

Bản án số: 109/2022/DS-ST
Ngày: 22-12-2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bích Tuyên.
- Ông Nguyễn Tấn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, đường Nguyễn Đình C, Phường x, thành phố T, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Hồ Ngọc X, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

(Tất cả đương sự đều có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2022 và trong quá trình tố tụng như sau: Ông Hồ Ngọc X

có bảo lãnh cho ông Nguyễn Hữu B vay tiền của ông, cụ thể như sau: Ngày 14/5/20xx vay số tiền 16.500.000đ; Ngày 13/6/20xx vay số tiền 11.000.000đ. Cả hai lần vay cùng thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn trả nợ 01 tháng. Từ khi vay tiền đến nay ông X và ông B chưa trả tiền vốn và lãi cho ông.

Ông yêu cầu ông X trả số tiền do ông B vay còn nợ tổng cộng là 27.500.000đ và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/10/2022 là 913.000đ, tổng cộng là 28.413.000đ. Ông không yêu cầu ông B trả nợ cho ông.

Bị đơn ông Hồ Ngọc X có đơn đề nghị vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải ngày xx/xx/2022 có ý kiến: Ông thừa nhận có bảo lãnh cho ông B vay tiền 27.500.000đ của ông Đ như lời trình bày của ông Đ. Hiện ông và ông B chưa trả số tiền vốn vay 27.500.000đ cho ông Đ. Nay ông Đ yêu cầu ông trả nợ ông không đồng ý vì ông B vay tiền và trực tiếp nhận tiền từ ông Đ nên ông yêu cầu ông B có trách nhiệm trả số tiền trên cho ông Đ. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết ông B phải trả cho ông số tiền ông bảo lãnh cho ông B vay tiền của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu B có đơn đề nghị vắng mặt nhưng tại Biên bản hòa giải ngày xx/xx/2022 có ý kiến: Ông X có bảo lãnh cho ông để ông vay số tiền 27.500.000đ của ông Đ như lời trình bày của ông Đ. Ông đồng ý trả cho ông Đ số tiền vốn vay là 27.500.000đ và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/6/2022 đến ngày 13/10/2022 là 913.000đ, tổng cộng là 28.413.000đ. Do điều kiện kinh tế khó khăn, ông yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ. Ông đồng ý trả toàn bộ số nợ 28.413.000đ cho ông Đ, không yêu cầu ông Xét trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện yêu cầu ông Hồ Ngọc X trả tiền do bảo lãnh ông Nguyễn Hữu B vay tiền và ông X hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng bảo lãnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1

Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả đương sự trong vụ án.

[3] Ông Nguyễn Minh Đ yêu cầu ông Hồ Ngọc X trả số tiền 27.500.000đ do bảo lãnh ông Nguyễn Hữu B vay tiền vào ngày 14/5/2022, ngày 13/6/2022. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/11/2022, ông X thừa nhận có bảo lãnh cho ông B vay số tiền 27.500.000đ của ông Đ nhưng ông X không đồng ý trả nợ cho ông Đ mà yêu cầu ông B phải có trách nhiệm với ông Đ. Ông B có ý kiến thừa nhận có vay và đồng ý trả số tiền này cho ông Đ.

[3.1] Ông Đ có cung cấp Biên nhận ngày 14/5/2022 có nội dung: “Tôi xin bảo lãnh và trả thay số tiền 16.500.000đ mà ông B có mượn của anh Đ” và Biên nhận ngày 13/6/2022 có nội dung: “Tôi xin bảo lãnh trả thay số tiền 11.000.000đ mà ông B có mượn của anh Đ” có chữ ký của ông Hồ Ngọc X và tại Biên bản hòa giải ngày 17/11/2022 ông X thừa nhận có bảo lãnh cho ông B vay số tiền 27.500.000đ của ông Đ. Theo Biên nhận ngày 14/5/2022 và ngày 13/6/2022 thể hiện ông B vay của ông Đ số tiền 27.500.000đ, thời gian trả là 1 tháng. Ông B không trả tiền cho ông Đ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ. Vì vậy, ông Đ yêu cầu ông X trả số tiền 27.500.000đ do bảo lãnh cho ông B vay tiền là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Buộc ông X phải trả cho ông Đ số tiền 27.500.000đ.

[3.2] Ông X yêu cầu ông B phải có trách nhiệm trả cho ông Đ số tiền 27.500.000đ nhưng ông Đ không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông X. Ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết ông B phải trả nợ cho ông nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tiền lãi: Ông Đ yêu cầu ông X trả lãi 0,83%/tháng từ ngày 13/6/2022 cho đến ngày 13/10/2022 là 4 tháng x 0,83%/tháng = 913.000đ. Tại Biên bản hòa giải 17/11/2022 ông X, ông B thống nhất lãi suất vay tiền là 3%/tháng nhưng ông Đ yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi ông Đ yêu cầu là 913.000đ là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Như vậy, ông X phải trả cho ông Đ số tiền vốn là 27.500.000đ, tiền lãi 913.000đ, tổng cộng 28.413.000đ.

[6] Về án phí: Ông Hồ Ngọc X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Đ. Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, Điều 336, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh Đ về “Tranh chấp hợp đồng hợp đồng bảo lãnh” đối với ông Hồ Ngọc X.

Ông Hồ Ngọc X có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền vốn 27.500.000đ, tiền lãi 913.000đ, tổng cộng 28.413.000đ (Hai mươi tám triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng) do bảo lãnh do Nguyễn Hữu B vay tiền của ông Nguyễn Minh Đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Ngọc X phải chịu số tiền 1.420.600đ (Một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn, sáu trăm đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Minh Đ số tiền 710.300đ (Bảy trăm mười nghìn, ba trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006274 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa